TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Thi Văn M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/6/2023, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà Trương Thị T và ông Thi Văn M chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/01/2007.

Quá trình chung sống bà T và ông M có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường uống rượu về chửi mắng vợ con, nhiều lần bà T khuyên bảo thay đổi để cùng lo lắng cho con nhưng ông M không sửa đổi. Vì không thể sống chung với ông M nên năm 2015 bà T và hai con chuyển về sinh sống tại xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Đến năm 2022 ông M năn nỉ bà T quay về nên bà T và hai con lên Bình Dương chung sống lại với ông M, nhưng chung sống được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên bà T và hai con lại chuyển về sống tại Long An cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Thi Văn M.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Trương Thị T và ông Thi Văn M có 02 người con chung tên Thi Khánh A, sinh ngày 16/10/2006 và Thi Khánh T, sinh ngày 20/01/2020. Bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu ông Thi Văn M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn ông Thi Văn M:*

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Thi Văn M biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông M.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị T khởi kiện ông Thi Văn M về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông M có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình

Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng ông M theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Thi Văn M chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 30/01/2007. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà T cho rằng bà và ông M thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, hiện tại bà và ông M không còn sống chung với nhau nữa, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông Thi Văn M. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông M nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông M vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Trương Thị T và ông Thi Văn M không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà Trương Thị T và ông Thi Văn M có 02 người con chung tên Thi Khánh A, sinh ngày 16/10/2006 và Thi Khánh T, sinh ngày 20/01/2020. Bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu ông Thi Văn M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thi Khánh A và Thi Khánh T hiện nay đang sống chung với bà T; mặt khác Tòa án có tham khảo ý kiến của cháu An và nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Do đó để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cháu Thi Khánh A và Thi Khánh T cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Thi Văn M về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Thi Văn M.

2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Thi Khánh A, sinh ngày 16/10/2006 và Thi Khánh T, sinh ngày 20/01/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị T không yêu cầu ông Thi Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Trương Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009077 ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết